TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: 42/2018/HS-PT
Ngày 14/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Anh
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Biểu, ông Vũ Thành Long
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Việt Cường, cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2018/HS-PT ngày 09 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo Trần Doãn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

** Bị cáo có kháng cáo:* **Trần Doãn T**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T1, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; con ông Trần Doãn V và bà Cao Thị A; có vợ là Nguyễn Thị L và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/12/2017 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H.

***** *Người bị hại có kháng cáo*: Bà **Cao Thị D**, sinh năm 1963; Trú tại: Thôn Đ, xã T1, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. NLQ 1, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn Đ, xã T1, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

2. NLQ 2, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn Đ, xã T1, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/10/2017, Trần Doãn T đi ăn sáng về đến cửa nhà mình ở thôn Đ. T nhìn thấy bà Cao Thị D là hàng xóm tiếp giáp với nhà T đang đứng trước cửa nhà bà D. Do có mâu thuẫn từ trước và đã uống rượu nên T đã to tiếng cãi nhau với bà D. Sau đó, anh Nguyễn Trọng D1 và anh Nguyễn Trọng C đều là cháu của bà D đi tới. Giữa T với anh C, anh D1 và bà D tiếp tục to tiếng, cãi nhau. Lúc này, sẵn có

một số đồ vật như gậy sắt, tuýp sắt cùng một số đồ vật khác dùng trong việc sửa xe máy ở lán trước cửa nhà, T đã ném 01 thanh tuýp sắt màu xám đen, dài 47 cm, đường kính 05 cm trúng vào bàn chân trái của anh D1 khiến chân anh D1 bị sưng tấy, phải đi vào trong nhà bà D ngồi. Thấy anh D1 bị T ném trúng chân thì bà D chạy đến vị trí bức tường ngăn giữa nhà bà D và nhà T để tranh cãi đúng sai. Quá trình tranh cãi, do bực tức T đã lấy 01 thanh kim loại hình vuông màu xám đen có kích thước các cạnh là 01x01x01x01 cm, dài 106 cm và cầm bằng tay phải chạy đến vị trí bà D đang đứng vụt một nhát từ trên xuống dưới qua bức tường về phía trước mặt bà D. Bà D thấy T vụt thì dơ tay trái đỡ, T vụt trúng vào cẳng tay trái của bà D khiến cho bà D bị gẫy đầu dưới xương trụ tay trái, rách da chảy máu. Sau đó T được người nhà can ngăn đẩy về nhà còn bà D và anh D1 được mọi người đưa đi khám, điều trị tại bệnh viện.

Bản kết luận pháp y về thương tích số 95/2017/Tgt ngày 22/11/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Hưng Yên kết luận: Tại thời điểm giám định bà D có 01 vết thương kích thước 3 x 0,2 cm ở 1/3 dưới mặt sau ngoài cẳng tay trái, màu thâm, đang đóng vẩy tạo sẹo; gẫy đầu dưới xương trụ trái, di lệch nhẹ, can xương chưa vững. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho bà D là 13 %. Cơ chế hình thành vết thương là do vật cứng có gờ cạnh gây nên .

Bản kết luận pháp y về thương tích số 97/2017/Tgt ngày 27/11/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Hưng Yên kết luận: Tại thời điểm giám định mu bàn chân trái của anh D1 còn sưng nề bầm tím nhẹ, còn đau khi vận động, không thấy hình ảnh tổn thương xương bàn ngón chân trái. Trong thông tư 20/2014/TTBYT không có quy định để áp dụng tỷ lệ % tổn thương cơ thể do thương tích gây nên với dạng tổn thương này.

Vật chứng được Cơ quan điều tra thu giữ gồm: 01 thanh tuýp sắt màu xám đen, dài 47 cm, đường kính 05 cm; 01 thanh kim loại hình vuông màu xám đen có kích thước các cạnh là 01x01x01x01 cm, dài 106 cm.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Cao Thị D yêu cầu T phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền 49.764.857 đồng. Sau đó, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bà D giảm mức bồi thường thiệt hại xuống còn 32.764.875 đồng.

Anh Nguyễn Trọng D1 yêu cầu T phải bồi thường 7.000.000 đồng.

Được sự tác động, nhờ bồi thường hộ của bị cáo T, ngày 27/3/2018 chị Nguyễn Thị L (vợ T) đã nộp thay cho bị cáo T số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H để bồi thường thiệt hại cho bà D và anh D1.

Tại phiên tòa sơ thẩm giữa đại diện gia đình bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường.

Tại bản án số 17/2018/HS-ST ngày 30/5/2018, Tòa án nhân dân thành phố H tỉnh Hưng Yên đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Doãn T 02 năm 03 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Ngoài ra bản án còn quyết định về bồi thường, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/5/2018, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/6/2018, bà D kháng cáo đề nghị xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo.

<u>Tại phiên tòa hôm nay</u>:

Bị cáo T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin lỗi anh D1, xin lỗi bị hại và gia đình bị hại. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

Vợ bị cáo là chị L nộp 01 đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Cao Thị D đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật, tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Doãn T 02 năm 03 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo thật sự ân hận về hành vi của mình, gia đình bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính, nhất thời phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, giảm hình phạt cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù. Không chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của bị hại vì không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo, người bị hại kháng cáo trong thời hạn của pháp luật là hợp pháp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng khác; biên bản xác định hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, bản kết luận giám định pháp y về thương tích, đồng thời phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định: Do có mâu thuẫn từ trước nên khoảng 11 giờ ngày 18/10/2017, tại vị trí bức tường ngăn giữa nhà bị cáo T và nhà bà Cao Thị D ở thôn Đ, xã T1, thành phố H, Trần Doãn T đã có hành vi cầm 01 thanh kim loại hình vuông màu xám đen có kích thước các cạnh là 01x01x01x01 cm, dài 106 cm vụt trúng cẳng tay trái của bà D làm bà D bị gẫy đầu dưới xương trụ tay trái, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%. Chính vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố H đã xét xử bị cáo Trần Doãn T về tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động đến gia đình để tự nguyện bồi thường thương tích cho người bị hại. Vợ bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh

khó khăn, đã xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù là phù hợp. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ mâu thuẫn giữa hai gia đình. Sau khi phạm tội, bị cáo cùng gia đình bị cáo đã đến xin lỗi và xin được bồi thường khắc phục hậu quả. Bị cáo chấp nhận yêu cầu bồi thường của người bị hại. Tại phiên tòa sơ thẩm giữa gia đình bị cáo, người bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong về trách nhiệm dân sự. Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi của mình là sai, rất hối hận về hành vi của mình. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo thật sự ăn năn hối cải. Bị cáo xin lỗi anh D1, xin lỗi bị hại và gia đình bị hại. Gia đình bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, có xác nhận của chính quyền địa phương. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, giữa gia đình bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận được với nhau về phần bồi thường. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ giáo dục bị cáo đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Người bị hại kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại là bà Cao Thị D vì không có căn cứ.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Doãn T. Sửa phần quyết định về hình phạt tại bản án Hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên như sau:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Doãn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2017 về tội "Cố ý gây thương tích".

3. Về án phí:

- Bị cáo Trần Doãn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
- Bà Cao Thị D phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐ KT 1- TACC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hưng Yên;
- CA, VKSND, Chi cục THA, TAND thành phố H;
- Bị cáo, trại TG.
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Kim Anh